

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 13-11-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Kim Đó**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Mai Thị Thanh Thủy**

2. Bà **Huỳnh Thị Châu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Quách Thị Khuyến** - Thư ký Tòa án huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:
ông **Lê Trần Thọ** - kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019, về việc “ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn H**; sinh năm 1961.

Địa chỉ: số 109/29 khu phố 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: số nhà 08, đường Lương Ngọc Q, thành phố , tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm: 1960

Địa chỉ: số nhà 395, tổ 12, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(ông H có mặt, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 08 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà C tự nguyện tìm hiểu yêu thương, năm 2005 tổ chức cưới và đăng kết hôn đăng ký hôn tại UBND xã Bàu Hàm 2 (nay là thị trấn D), huyện T, tỉnh Đồng Nai, đến ngày 15/8/2005 được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Do công việc của ông H là đi làm xa (tại B) cuối tuần mới về, mỗi lần thấy ông H về đến nhà thái độ bà C không vui vẻ và kiểm chuyện gây gổ. Mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì bà C hay bỏ nhà đi,

có lần bà bỏ nhà ra đi khoảng 01 tháng sau mới trở về nhà, việc bà C đi đâu, làm gì thì ông H không biết.

Từ tháng 5 năm 2014 do quá buồn nên ông H đã bỏ về huyện B sinh sống từ đó đến nay không liên lạc với bà C.

Nay ông H xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà C, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim C.

Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và hoàn cảnh kết hôn ông H khai là đúng, bà C và ông Trần Văn H được tự nguyện tìm hiểu, yêu thương năm 2005 thì tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là thị trấn D), huyện T, tỉnh Đồng Nai, đến ngày 15/8/2005 được cấp giấy chứng nhận kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu của bà C.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng với gia đình bên bà C, nhưng không được hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H sống không chung thủy có quan hệ với người phụ nữ khác, bà C chỉ nghe thông tin và bà không có chứng cứ để nộp cho Tòa án chứng minh việc ông H sống không chung thủy. Do đó vợ chồng thường xuyên gây gổ, ông H đánh đập bà, việc ông H đánh bà không gây thương tích và bà cũng không có báo với chính quyền địa phương. Từ nguyên nhân trên dẫn đến đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Cũng trong năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân, bà C vẫn sinh sống tại địa số 395 tổ 12, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; còn ông H thì sống và làm việc tại thành phố T. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ.

Tại Tòa án ông H xin ly hôn bà C thuận tình.

Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà C có đơn yêu cầu Tòa án hòa giải xét xử vắng mặt.

Ngoài ra bà C không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn ông Trần Văn H khởi kiện tranh chấp ly hôn; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C có nơi cư trú tại địa chỉ tổ 12, khu phố T, thị trấn D, huyện

T, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C có đơn yêu cầu đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giải quyết theo thủ tục chung, xử vắng mặt bà C.

[2] Xét quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà C, xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông H và bà C sống ly thân từ tháng 5 năm 2014 đến nay không bàn bạc đoàn tụ.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C có lời khai ngày 10/10/2019, bà C cũng xác nhận bà và ông H không còn tình cảm vợ chồng việc ông H xin ly hôn bà C thuận tình và bà C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Trên cơ sở lời khai của ông H và bà C Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/8/2005, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của ông H và bà C được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn ông H đã khởi kiện xin ly hôn. Xét thời điểm hiện tại Luật hôn nhân năm 2014 đang có hiệu lực, việc kết hôn của ông H và bà C cũng thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điều 8 của luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về con chung, tài sản chung, ông H và bà C không có và không tranh chấp nên Hội đồng xét xử áp dụng luật hôn nhân năm 2014 để giải quyết.

Ông H xin ly hôn, bà C thuận tình nhưng bà C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H cho ông được ly hôn với bà C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét về nuôi con chung: Ông H và bà C có lời khai thống nhất, ông bà chung sống với nhau không có con chung nên không tranh chấp, hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Xét về chia tài sản và nợ chung: ông H và bà C có lời khai thống nhất, không có tài sản chung, không tranh chấp nên hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc ông Trần Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí, tại biên lai thu số 0007569, ngày 19/8/2019, tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (ông Hoài đã nộp đủ án phí), theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Văn Hoài.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Kim C.

2. Về con chung: Không có nên hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Không có, không giải quyết.

4. Về án phí: ông Trần Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0007569 ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. T;
- Chi cục THADS H.T;
- UBND thị trấn D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Kim Đó